

# THỜI CƠ VÀNG CỦA CHÚNG TA

NHIỀU TÁC GIẢ. **Thời cơ vàng của chúng ta.**  
Vietnamnet, Nxb. Trẻ, 2006, 346 tr.

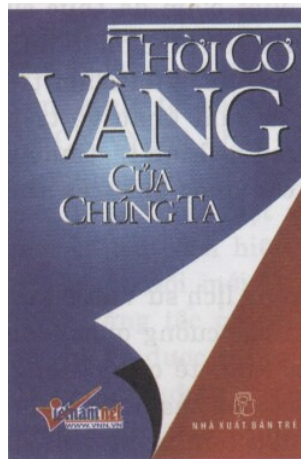
HOÀNG HƯNG  
lược thuật

*Cuốn sách tập hợp một số bài viết được đăng tải trên báo điện tử Vietnamnet ([www.vietnamnet.vn](http://www.vietnamnet.vn)) nhân đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng khắp cả nước đóng góp ý kiến cho Báo cáo Chính trị của Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cuốn sách gồm 3 phần tập trung lý giải nhiều vấn đề cấp bách nhất đặt ra qua 20 năm đổi mới ở nước ta và hầu như không tránh né điều gì, kể cả những vấn đề nhạy cảm nhất.*

*Thông tin Khoa học xã hội xin gửi tới bạn đọc nội dung chính của cuốn sách này.*

**Chương 1 - Thời cơ và hiểm họa**  
(tr.11-154) gồm các bài viết của: Nguyễn Trung, PGS., TS. Trần Đình Thiên, TS. Vũ Minh Khương, TS. Nguyễn Bình,... tổng kết lại quá trình 20 năm đổi mới ở nước ta, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình đó và phân tích những hiểm họa, thách thức mà nước ta đã, đang và sẽ phải đương đầu.

Trong các bài viết ở chương 1, các tác giả đều có chung nhận định, 20 năm vừa qua là một trong những thời kỳ phát triển kinh tế mạnh mẽ và rực rỡ nhất trong suốt chiều dài lịch sử phát triển hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam. Rõ ràng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang mang



lại lợi ích cho dân tộc và người dân Việt Nam. 20 năm đổi mới vừa qua, đất nước đã thay da đổi thịt.

Trước đổi mới, GDP theo đầu người của nước ta dưới

200 USD, nay tăng gấp hơn 3 lần, tỷ lệ người đói nghèo giảm nhanh và được thế giới đánh giá là ở mức kỷ lục so với hầu hết các nước nghèo và đang phát triển. Ngày nay, kim ngạch xuất khẩu trong 8 ngày bằng kim ngạch xuất khẩu

của cả năm trong thời kỳ trước đổi mới. Sản phẩm của Việt Nam có mặt tại tất cả các thị trường quan trọng nhất trên thế giới và xuất hiện ở rất nhiều nơi khác.

Việt Nam đã tìm ra và đang bắt đầu khai phá con đường phát triển riêng của chính mình, để hội nhập vào xu thế phát triển chung của toàn thể nhân loại, với mục tiêu thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển của cả thế giới.

Qua nhiều phân tích, các bài viết cho rằng, Việt Nam đang đứng trước một *thời cơ vàng* cho phát triển. Đó là:

Lần đầu tiên trong hai thế kỷ nay, Việt Nam không có kẻ thù chiến lược. Việt Nam được công nhận đầy đủ và có quan hệ chính thức với tất cả các cường quốc, với hầu hết mọi quốc gia khác còn lại trên thế giới, Việt Nam đã thực sự trở thành thành viên có vị thế nhất định trong cộng đồng quốc tế. Việt Nam trở thành một quốc gia xuất khẩu và trên thực tế là đã có quan hệ kinh tế, thương mại với hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, chúng ta có tất cả các cường quốc trên thế giới là đối tác kinh tế quan trọng, là thị trường quan trọng của nước mình! Trên hết cả, lần đầu tiên trong lịch sử của mình, Việt Nam là đối tác với tất cả các cường quốc trên thế giới, đang có khả năng ngày một mở rộng sự hợp tác của mình với tất cả các cường quốc và mọi đối tác khác trên thế giới!.. Lần đầu tiên trong lịch sử của mình Việt Nam có khả năng thực hiện được

ước vọng là giường cao ngọn cờ hữu nghị và hợp tác, vì hòa bình và phát triển của mọi quốc gia trong cộng đồng thế giới (tr.16).

Tuy nhiên, một vấn đề mà ai cũng dễ dàng nhận ra là, khi nói đến thời cơ vàng của nước ta, phải nói liền theo đó đến hiểm họa đen. Thời cơ và thách thức luôn đi liền với nhau trong cuộc sống như hình với bóng, đối chọi cho nhau có thể chỉ trong nháy mắt. Có ba loại hiểm họa được đề cập chủ yếu trong chương I này là:

- *Những hiểm họa “lấp ló”*: Đó là những hiểm họa từ cơ cấu kinh tế và chất lượng tăng trưởng còn nhiều yếu kém, từ những chính sách vĩ mô bất cập, từ những quyết định kinh tế không đúng, từ tình trạng đất đai vô cùng phức tạp và đầu cơ đất đai đang diễn ra như hiện nay, từ sự phân hóa giàu nghèo và nhiều vấn đề khác trong vấn đề phát triển nông thôn... Tiếp đến những hiểm họa mới trong sự xuống cấp nhanh chóng của môi trường so với sức chịu đựng của nền kinh tế, những hiểm họa từ những yếu kém trong chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế, là sự khập khiễng chưa có cách gì thu hẹp lại giữa một bên là cải cách hành chính và hệ thống chính trị và một bên là những đòi hỏi của phát triển kinh tế - xã hội và của hội nhập quốc tế... Đó còn là hiểm họa lấp ló từ những khó khăn và mối nguy cơ khôn lường của cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế, từ những quyết sách bắt buộc phải cân nhắc, phải lựa chọn của một nền kinh tế có tới khoảng 60% của cải làm ra hàng năm buộc phải dành cho xuất khẩu,...

- *Hiểm họa từ sự vô cảm*: Lớn hơn những hiểm họa vừa nói trên, là những hiểm họa đến từ những lãng phí vô hình và hữu hình, lãng phí chất xám, lãng phí thời gian và cơ hội., những hiểm họa đến từ sự thiên cận hay kiêu ngạo, từ sự sa sút ý chí cách mạng và lòng yêu nước,...

- *Hiểm họa lớn nhất từ khả năng giác ngộ*: Hiểm họa lớn nhất trên con đường đi lên của đất nước ta nằm ngay trong thách thức lớn nhất: *dân tộc ta phải giác ngộ sâu sắc chính mình và thế giới chung quanh, để tồn tại, để cùng đi, để cùng đua tranh với cả thế giới!* Hơn bao giờ hết, chủ nghĩa yêu nước và đoàn kết dân tộc phải được nâng lên một tầm cao mới, với trí tuệ và ý chí mới!

Giác ngộ được thách thức lớn nhất này của dân tộc, như các tác giả trình bày, cũng là *thách thức lớn nhất đối với Đảng Cộng sản Việt Nam* - với tính cách là đảng lãnh đạo, với vai trò là đội tiên phong chiến đấu của dân tộc trên con đường chấn hưng đất nước. Điều này có nghĩa là Đảng phải làm mọi việc mở đường để đưa vào chủ nghĩa yêu nước và đoàn kết dân tộc những nội dung mới mà thời đại ngày nay đòi hỏi - bắt đầu từ thực hiện thật tốt công bằng dân chủ văn minh trong toàn bộ đời sống của đất nước, từ thay đổi một cách triệt để nội dung công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, giáo dục... (tr.96-105).

**Chương 2 - Đổi mới II** (tr.155-246) tập trung phân tích động lực mới của nước ta trong thời kỳ hiện nay. Đó là “khát vọng không thua kém bè bạn”, đưa đất nước thành công trong hội nhập và thoát khỏi tình trạng nước chậm

phát triển.

Đổi mới II là thuật ngữ mới được nhắc đến trên Vietnamnet gần đây. Phần lớn các ý kiến tham gia diễn đàn trên Vietnamnet đều cho rằng, “Đổi mới I” trong 20 năm vừa qua là quá trình chúng ta phải đối mặt với câu hỏi “tồn tại hay không tồn tại” của một quốc gia, một dân tộc. Câu hỏi này đã được trả lời. Còn Đổi mới II là “khát vọng vươn lên tầm cao”. Các ý kiến đề cập đến Đổi mới II đều khẳng định, Đổi mới II là thời cơ vàng không nên bỏ lỡ.

Trong lĩnh vực kinh tế, phương hướng của Đổi mới II được đề cập rất rõ ràng: thúc đẩy nhanh hơn nữa và mạnh mẽ hơn nữa quá trình cải cách xây dựng nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đổi mới II, thời cơ lớn hơn, khát vọng lớn hơn, nguy cơ cũng lớn hơn, do vậy hành động cụ thể phải nhanh chóng hơn và cương quyết hơn.

Từ tầm nhìn đó, mục tiêu của Đổi mới II là: xây dựng *càng sớm càng tốt* nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế ở nước ta. Tuy đích đến không hề thay đổi, Đổi mới II sẽ khác biệt với con đường đổi mới và cải cách hiện nay ở *tốc độ của cải cách*. Đổi mới II thực chất là quá trình tăng tốc các biện pháp cải cách cụ thể đã được chỉ ra từ rất lâu nhưng đã và đang được thực hiện chậm chạp, thậm chí ở một số lĩnh vực đang bị trì trệ và có khả năng thụt lùi.

Có nhiều biện pháp cụ thể được nhất trí, xoay quanh 4 trục chính: *giải điều tiết* (giảm luật lệ và sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước tới doanh nghiệp

và thị trường), *xã hội hóa nền kinh tế* (tăng cường vai trò của khu vực kinh tế tư nhân, Nhà nước trả lại quyền quyết định sản xuất kinh doanh cho người dân, và cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước), *hội nhập quốc tế* (mở cửa thương mại và đầu tư, tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế) và *minh bạch hóa* (cải cách hành chính và quản lý nhà nước). Định hướng chung của những cải cách này là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế. Với hai la bàn thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, không quá khó khăn để nêu ra các khuyến nghị chính sách cải cách kinh tế cụ thể.

Những đề nghị cải cách như trên là không mới bởi vì đó chính là hướng đi tất yếu của Đổi mới. Hướng đi này đã đã được Đảng và Nhà nước khẳng định và từng bước thực hiện trong suốt 20 năm nay. Đổi mới II không nằm ngoài đường hướng chung đó. Tuy nhiên, Đổi mới II khác biệt về chất so với quá trình đổi mới hiện nay ở tốc độ thực hiện cải cách. Nói một cách giản lược, mục tiêu của Đổi mới II là *tăng tốc mạnh mẽ quá trình cải cách* về thể chế và chính sách theo hướng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra hiện nay ở đất nước ta.

Hơn nữa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN không chỉ đơn thuần mang ý nghĩa kinh tế và thương mại, mà còn có ý nghĩa là *một lối suy nghĩ khác*. Chẳng hạn, các quan hệ kinh tế thị trường trước hết là các quan hệ của các cá nhân, dựa trên động cơ là *lợi ích cá nhân* và *tự do cá nhân*, từ đó tạo ra sự dân thân của mỗi cá

nhân để khai phá và sáng tạo về tư duy, thử nghiệm và đổi mới về hoạt động thực tiễn. Động lực cá nhân cần được coi là một động lực cơ bản cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đổi mới II phải chú trọng hơn tới lĩnh vực này.

Như vậy, để thúc đẩy Đổi mới II, vấn đề chủ yếu đặt ra không phải là câu hỏi: đâu là những biện pháp cải cách cần được thực hiện? Mà rào cản lớn nhất là *làm thế nào để nhanh chóng thực hiện những biện pháp cải cách đó?* Chúng ta đã biết rõ rất nhiều cải cách cần được thực hiện, tuy nhiên chúng ta hoàn toàn chưa chắc chắn về việc làm thế nào để biến những cải cách đó thành thực tế.

Để khởi động Đổi mới II, cần có một sự đột phá của Đảng và Nhà nước, qua đó tạo ra sự nhất trí chung của xã hội, để thúc đẩy cương quyết hơn nữa và mạnh mẽ hơn nữa quá trình cải cách kinh tế. Nhằm thoát ra khỏi vòng luẩn quẩn thiếu lòng tin giữa các tác nhân trong nền kinh tế, dẫn tới ràng buộc và trì hoãn Đổi mới II, Đảng và Nhà nước cần có vai trò đột phá bằng những tuyên bố và hành động cương quyết và kịp thời thể hiện lòng tin mạnh mẽ đối với cải cách, thị trường và nhân dân. Những vấn đề không còn thật phù hợp với thực tế như “bóc lột”, “vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước”, “thành phần kinh tế”... cần được bàn luận và giải quyết triệt để tại Đại hội X (tr.169-174).

*Đảng viên làm kinh tế tư nhân* là một chủ đề được đề cập với những ý kiến khác biệt.

Tiêu biểu cho những ý kiến không

đồng tình để đảng viên làm kinh tế tư nhân là của GS Nguyễn Đức Bình. Ông lập luận: “Đảng là chính đảng, là đội tiên phong chính trị của giai cấp. Một người đảng viên, nhất là trong cách mạng XHCN, vì vậy, không thể vừa là chiến sĩ cộng sản lấy việc xoá bỏ chế độ bóc lột làm lý tưởng đời mình, lại vừa làm ông chủ tư bản lấy bóc lột lợi nhuận làm lẽ sống. Người đảng viên cũng là công dân nhưng không phải mọi điều công dân được làm thì đảng viên cũng được làm bởi đối với đảng viên, ngoài pháp luật còn phải tuân theo Điều lệ Đảng; nếu anh cho như vậy là đảng viên không bằng công dân, là mất quyền tự do công dân, thì nào có ai bắt buộc anh vào Đảng!” (tr.200-201).

Khác với GS. Nguyễn Đức Bình, nhiều ý kiến khác: từ nhà lãnh đạo cấp cao (nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt), đảng viên - doanh nhân có 18 năm làm kinh tế tư nhân (ông Bạch Minh Sơn), nhà báo lâu năm (TS. Trần Đăng Tuấn),... lại nhìn nhận vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân dưới góc độ thực tiễn.

Các tác giả đều cho rằng, ý kiến của GS. Nguyễn Đức Bình thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của một nhà nghiên cứu lý luận lão thành, lo lắng và trăn trở trước các vấn đề mới nảy sinh trong đời sống chính trị của đất nước. Các ý kiến dù trái chiều nhau nhưng đều rất tâm huyết và đáng quý; do đó không nên gọi ai là “cấp tiến” hay “bảo thủ”. Việc cho phép đảng viên làm kinh tế trước hết, có ý nghĩa quan trọng trong Đảng. Tuy nhiên, trong thực tế, từ lâu nay, đảng viên không bị cấm làm kinh tế tư nhân. Nay có điểm khác là

làm kinh tế tư nhân không hạn chế quy mô. Chủ trương đó đã bao hàm nội dung: đảng viên có thể làm kinh tế theo mọi mô hình, từ kinh tế tiểu chủ đến tư bản tư nhân.

Cho đến thời điểm hiện nay, Đảng kêu gọi tất cả mọi người dồn tài trí, khả năng để làm giàu cho bản thân, làm giàu cho đất nước, cam kết đảm bảo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, tôn vinh lao động của doanh nhân chân chính. Do vậy, có ý kiến cho rằng *nếu Đảng không cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân (bao gồm tư bản tư nhân) thì sẽ tự mâu thuẫn với một loạt những chủ trương, phát ngôn công khai của Đảng thời gian qua, và với tình huống hiện thực bây giờ*. Đảng nên khẳng định, *việc cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân là một tất yếu, chứ không phải là giải pháp tạm thời* (tr.213-234).

**Chương 3 - Trách nhiệm trước vận mệnh dân tộc** (tr. 249-354) - giới thiệu các cuộc *Bàn tròn trực tuyến* trao đổi, thảo luận về vấn đề trọng tâm là *vai trò lãnh đạo của Đảng*.

Các ý kiến tham gia trong các cuộc bàn tròn trực tuyến đều khẳng định, Báo cáo Chính trị của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X được đưa ra lấy ý kiến góp ý của toàn dân đã thể hiện Đảng rất gần dân, thực sự tôn trọng những ý kiến của nhân dân để đáp ứng tốt nhất nguyện vọng, khát vọng của toàn dân mà Đảng là người đại diện lãnh đạo cho đất nước, cho dân tộc. Việc lấy ý kiến đóng góp đã cho thấy Nghị quyết Đại hội Đảng không đơn thuần là “của Đảng”, mà là sự kết tinh của ý chí,

nguyện vọng “của toàn dân”. Trong Báo cáo Chính trị đã thể hiện một quyết tâm nhất quán của Đảng từ đầu đến cuối: Đảng sẽ tiếp tục công cuộc đổi mới. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng, công cuộc đổi mới cần tiến hành một cách toàn diện và đồng bộ, cả nhận thức, trí tuệ đến hoạt động thực tiễn, đổi mới cả kinh tế, chính trị, đối ngoại... Đổi mới cả tư duy lãnh đạo của Đảng cho đến hoạt động quản lý Nhà nước, các bộ phận của hệ thống chính trị. Đợt sinh hoạt chính trị này cũng là một cơ hội thử thách để nhân dân đưa ra những sáng kiến và để thử thách Đảng rằng, có được bản lĩnh tới mức nào để tiếp thu những đóng góp, ý kiến sáng tạo của toàn thể nhân dân. Đảng lãnh đạo thì *phải chịu trách nhiệm toàn diện, phải lãnh đạo toàn diện*. Nhưng Đảng phải tạo ra cho mình phẩm chất và khả năng làm đúng, làm thật tốt *chịu trách nhiệm toàn diện, lãnh đạo tốt toàn diện* bởi hơn 80 triệu dân đang phấn đấu dưới một lá cờ thống nhất.

Trong các cuộc thảo luận, các ý kiến đều mong muốn, Đại hội X sẽ vạch ra đường lối phát triển trong thời gian sớm nhất và sẽ lựa chọn một Ban chấp hành đại diện cho trí tuệ, đại diện cho văn hoá, đại diện cho sự kết tinh của dân tộc, đủ sức dẫn dắt dân tộc tiếp tục con đường phát triển của Đổi mới I, để Việt Nam sánh vai được với năm châu và

khẳng định được truyền thống văn hoá, trí tuệ, tình cảm của dân tộc.

Các ý kiến cho rằng, để làm được những việc đó, những người đảng viên lãnh đạo cần có đủ bản lĩnh; phải biết cân bằng giữa quá khứ và lịch sử, học tập cha ông mình để lựa chọn nhân tài.

Người đảng viên lãnh đạo tương lai cần tập hợp được toàn bộ tiềm năng, trí tuệ của dân tộc; phải có trách nhiệm với nhân dân, với lịch sử, với trọng trách mà họ đang gánh vác.

Chúng tôi xin kết luận bài lược thuật này bằng một ý kiến tâm huyết của một du học sinh Việt Nam ở nước ngoài, bởi đó cũng thể hiện tấm lòng của hàng triệu con tim nước Việt: “Là một du học sinh đang dồn hết tâm trí vào chuyện học hành nhưng tôi cũng không thể không có tâm trạng thắc thỏm hy vọng và trĩu nặng âu lo trong khoảng thời gian này, thời gian trước thềm Đại hội Đảng lần thứ X. Theo cách hiểu và cảm nhận có thể không đầy đủ của tôi, thì đại hội lần này là một thời điểm vô cùng quan trọng đối với vận mệnh dân tộc.

Tôi muốn xé toang lồng ngực mình để cho mọi người chứng kiến rằng trong trái tim tôi vẫn hừng hực một dòng máu Lạc Hồng, trong lồng ngực tôi còn âm vang tiếng trống oai hùng vang vọng từ lịch sử dân tộc...” (tr.108-109).